

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 177

## LUẬN VỀ BẤT HOÀN (Phần 4)

Hỏi: Nghiệp dị thực của tướng lấy gì làm tự tánh, là nghiệp của thân, là nghiệp của ngữ, hay là nghiệp của ý?

Đáp: Ba nghiệp làm tự tánh, nhưng tăng mạnh về nghiệp của ý.

Có người nói: Chỉ lấy nghiệp của ý làm tự tánh, không phải là nghiệp của thân-ngữ. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nghiệp của ý mạnh mẽ sắc bén, nghiệp của thân-ngữ thì chậm chạp.

Hỏi: Nghiệp dị thực của tướng là thuộc về ý địa, hay là năm Thức thân?

Đáp: Thuộc về ý địa, không phải là năm Thức thân. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nghiệp này có phân biệt, cần phải quán sát rồi hiện hành, năm Thức không có phân biệt, cho nên tùy theo lực của cảnh giới mà khởi lên.

Hỏi: Nghiệp dị thực của tướng là gia hạnh đạt được, là lìa nhiễm đạt được, hay là do sinh đạt được?

Đáp: Chỉ là gia hạnh đạt được, không phải là lìa nhiễm đạt được, không phải là do sinh đạt được. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nghiệp này cần phải ở ba Vô số kiếp tu các hạnh Ba-la-mật-đa, tác ý-công dụng-gia hạnh trong thân đầy đủ trọn vẹn, về sau mới đạt được.

Có người nói: Nghiệp này gia hạnh đạt được, cũng do sinh đạt được, nhưng không phải là lìa nhiễm đạt được.

Hỏi: Nghiệp dị thực của tướng là do Văn mà thành, do Tư mà thành, hay là do Tu mà thành?

Đáp: Chỉ do Tư mà thành, không phải là Văn, không phải là Tu. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nghiệp này thù thắng cho nên không phải là do Văn mà thành, hệ thuộc cõi Dục cho nên không phải là do Tu mà thành.

Có người nói: Nghiệp này bao gồm do Văn-Tư mà thành, nhưng không phải là do Tu mà thành.

Hỏi: Nghiệp dị thực của tướng khởi lên ở nơi nào?

Đáp: Ở cõi Dục chứ không phải là cõi khác, ở nẻo người chứ không phải là nẻo khác, ở châu Thiệm Bộ chứ không phải là châu khác. Dựa vào thân nào mà khởi lên, thì dựa vào thân nam khởi lên chứ không phải là thân nữ... Khởi lên vào lúc nào, là lúc Đức Phật xuất thế chứ không phải là thời gian không có Phật. Duyên vào cảnh nào mà khởi lên, là hiện rõ trước mắt duyên với Phật mà khởi lên Tư nguyện thù thắng chứ không duyên với cảnh khác.

Hỏi: Ba mươi hai tướng Đại tướng phu, là do một Tư dẫn dắt, hay là nhiều Tư? Nếu như vậy thì có gì sai? Nếu do một Tư dẫn dắt, thì vì sao một ít nghiệp có thể dẫn đến nhiều quả? Luận Thi Thiết nói lại hiểu thế nào? Như nói: “Nghiệp loại như vậy có thể cảm đến tướng bằng phẳng khéo an trú dưới lòng bàn chân, cho đến nghiệp loại như vậy có thể cảm đến tướng nhục kế (ô-sắc-nị-sa) trên đỉnh đầu.” Nếu do nhiều Tư dẫn dắt, thì vì sao một Chúng đồng phần không phân biệt mà lại dẫn dắt phân biệt?

Đáp: Có người nói: Do một Tư dẫn dắt.

Hỏi: Vì sao một ít nghiệp có thể dẫn đến nhiều quả?

Đáp: Trước dùng một Tư để dẫn dắt, sau dùng nhiều Tư để đầy đủ trọn vẹn, vì thế cho nên không có lỗi; ví như người vẽ tranh, trước dùng một màu để làm mô phỏng, sau bổ sung nhiều màu sắc.

Hỏi: Luận Thi Thiết nói lại hiểu thế nào?

Đáp: Luận ấy nói về nghiệp đầy đủ trọn vẹn, không nói về nghiệp dẫn dắt, cho nên không có lỗi. Nhưng ba mươi hai tướng Đại tướng phu là quả của nghiệp đầy đủ trọn vẹn Chúng đồng phần, không phải là quả của nghiệp dẫn dắt Chúng đồng phần.

Có người nói: Do nhiều Tư dẫn dắt.

Hỏi: Vì sao một Chúng đồng phần không phân biệt mà lại dẫn dắt phân biệt?

Đáp: Lúc bấy giờ Bồ-tát luôn luôn nhất tâm chú ý vào một sở y-sở duyên-hành tướng có nhiều Tư chuyển đổi, trong đó có Tư có thể cảm đến tướng bằng phẳng khéo an trú dưới lòng bàn chân, cho đến có Tư có thể cảm đến tướng nhục kế trên đỉnh đầu.

Nói như vậy thì ba mươi hai Tư dẫn dắt ba mươi hai tướng Đại tướng phu, mỗi một tướng lại dùng nhiều nghiệp để làm đầy đủ trọn vẹn.

Hỏi: Bồ-tát đã khởi lên ba mươi hai Tư, ở trong các tướng thì trước hết là dẫn dắt tướng nào?

Đáp: Có người nói: Trước hết là dẫn dắt tướng bằng phẳng khéo an trú dưới lòng bàn chân, sau mới dẫn dắt những tướng khác, bởi vì trước là an trú bàn chân, sau mới đến những nơi khác.

Có người nói: Trước hết là dẫn dắt tướng mắt xanh biếc, bởi vì trước là dùng ánh mắt hiền từ nhìn thế gian. Nói như vậy thì điều này không nhất định, tùy theo duyên hợp với tướng này thì dẫn dắt tướng này.

Ba mươi hai tướng Đại tượng phu:

1. Tướng khéo an trú dưới lòng bàn chân (túc hạ thiện trú tướng), đó là dưới lòng bàn chân của Đức Phật bằng phẳng không lồi không lõm, vào lúc đặt chân đều ấn xuống chạm vào mặt đất. Vì vậy chỉ riêng tướng dấu chân của Đức Phật là rõ ràng, tâm địa xấu ác muốn xóa đi nhưng cuối cùng không thể mất được. Những người tại gia nếu có tướng này, thì chắc chắn là vị vua lãnh đạo đất nước. Những người xuất gia nếu có tướng này, thì chắc chắn làm bậc Pháp vương hóa độ tất cả.

2. Tướng bánh xe ngàn nan hoa (thiên bức luân tướng), đó là ở dưới hai bàn chân của Đức Phật có hoa văn, như bánh xe ngàn nan hoa đầy đủ trục-vành, tròn đầy rõ ràng vô cùng tuyệt vời. Thiên tử Diệu Nghiệp tuy rất tác ý nhưng không thể nào mô phỏng mà hóa hiện khác biệt. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì sự việc do Thiên tử Diệu Nghiệp hóa hiện là do trí vô phú vô ký đã dẫn dắt, mà tướng này là do nghiệp hoàn toàn thanh tịnh đã dẫn dắt.

Lại nữa, việc làm của Thiên tử ấy là do trí sinh ra đạt được đã dẫn dắt, mà tướng này là do trí gia hạnh tăng thượng đã dẫn dắt.

Lại nữa, việc làm của Thiên tử ấy là do trí đã luyện tập trong một đời dẫn dắt, mà tướng này là do trí đã luyện tập qua vô lượng đời dẫn dắt.

3. Tướng ngón tay thon dài (chỉ tiêm trường tướng), đó là ngón tay của Đức Phật thon dài nhỏ mà từ từ nhọn, lóng ngón tay không hiện bày thô thiển, khép lại thì không có khe hở, xếp lại-rải ra thích hợp, ở giữa sáng bóng tròn đầy.

4. Tướng gót chân tròn cao (túc cân viên trường tướng), đó là gót chân của Đức Phật tròn cao, rộng thẳng đoan nghiêm.

5. Tướng tay chân mịn màng mềm mại (thủ túc tế nhuyễn tướng), đó là tay chân của Đức Phật mịn màng mềm mại như tơ Đố-la.

6. Tướng màng da mềm giữa các ngón tay-chân (thủ túc vông

man tướng), đó là giữa các ngón tay-chân của Đức Phật đều có màng da mềm, giống như bàn chân của ngỗng chúa, nếu lúc khép lại thì màng da không hiện rõ mà không có nếp nhăn kéo dài, lúc mở ra thì hiện rõ mà không có nếp co xiết lại.

7. Tướng cổ chân tròn và dày (túc phu đoạn hậu tướng), đó là cổ chân của Đức Phật tròn và dày, hướng về các ngón chân đổ sang hai bên, đứng thẳng xứng với gót chân, bước chân thì không rộng, lòng bàn chân như màu hoa sen hồng, phía trong màng da như đường vân của cây gỗ, móng chân như màu đồng đỏ hơi nhạt, phía ngoài màng da là màu vàng ròng, lông mịn màu đen pha hồng tươi sáng như Phệ lưu ly, cho nên hai chân của Đức Phật giống như đôi giày quý, trang nghiêm bằng nhiều vật báu, sáng ngời thật vi diệu.

8. Tướng bắp đùi Ê-nê-da (ê-nê-da chuyên tướng), đó là bắp đùi của Đức Phật tròn thẳng từ từ xuống dưới thon nhỏ, như bắp đùi của Nai chúa Ê-nê-da.

9. Tướng nam căn giấu kín (thế phong tàng mật tướng), đó là nam căn của Đức Phật giấu kín giống như Ngựa chúa.

Nếu như vậy thì làm sao hữu tình đã hóa độ (sở hóa) nhìn thấy được? Có người nói: Đức Thế Tôn thương xót hữu tình đã hóa độ cho nên phương tiện mà thị hiện.

Có người nói: Đức Thế Tôn hóa làm âm tàng thù diệu như voi ngựa, nói với hữu tình đã hóa độ rằng: Như ông, Ta cũng như vậy.

10. Tướng thân thể đầy đủ trọn vẹn (thân phần viên mãn tướng), đó là thân thể của Đức Phật đầy đủ trọn vẹn như cây Nặc-cù-đà, như từ phần rốn đến đỉnh đầu, như vậy từ phần rốn đến chân, trên dưới tương xứng với nhau.

11. Tướng lông toàn thân hướng lên trên (thân mao thượng mị tướng).

12. Tướng lỗ chân lông mọc một sợi lông (khổng sinh nhất mao tướng).

13. Tướng lông toàn thân xoay về phía phải (thân mao hữu hoàn tướng), đó là các lỗ chân lông toàn thân của Đức Phật đều mọc một sợi lông, màu sắc sáng bóng đen biếc như Phệ lưu ly, uyển chuyển xoay về phía phải, đầu sợi lông hướng lên trên. Nguyên cố mỗi một lỗ chân lông chỉ có một sợi lông, là bởi vì lúc làm Bồ-tát không nói pháp tùy tiện hỗn loạn.

14. Tướng thân màu vàng ròng (thân chân kim sắc tướng), đó là thân thể của Đức Phật màu vàng ròng, ánh lên làm mờ nhạt ánh sáng

của tất cả các loại vàng ở thế gian, khiến cho không còn hiện rõ. Như người thời nay đem các vật dụng bằng nhôm-đồng..., đặt ở bên cạnh vật dụng bằng vàng của thời nay, thì ánh sáng không còn hiện rõ; vật dụng bằng vàng của thời nay, đem đến bên cạnh vật dụng bằng vàng thời Đức Phật tại thế, thì ánh sáng không còn hiện rõ; vật dụng bằng vàng thời Đức Phật tại thế, nếu đem đến bên cạnh vàng Nại-đà của châu Thiệm Bộ và đá vàng lót đường của Chuyển Luân Vương trong biển lớn, thì ánh sáng không còn hiện rõ; vàng và đá vàng này nếu đem đến bên cạnh vàng của bảy núi vàng, thì ánh sáng không còn hiện rõ; vàng của bảy núi vàng đem đến bên cạnh vàng của núi chúa Diệu Cao, thì ánh sáng không còn hiện rõ; vàng của núi chúa Diệu Cao đem đến bên cạnh đồ vật bằng vàng trang nghiêm của cõi trời Tam Thập Tam, thì ánh sáng không còn hiện rõ. Như vậy lần lượt chuyển đổi cho đến đồ vật bằng vàng trang nghiêm của cõi trời Lạc Biến Hóa, đem đến bên cạnh đồ vật bằng vàng trang nghiêm của cõi trời Tha Hóa Tự Tại, thì ánh sáng không còn hiện rõ; đồ vật bằng vàng trang nghiêm của cõi trời Tha Hóa Tự Tại này, nếu đem đến bên cạnh thân vàng của Đức Phật, thì ánh sáng không còn hiện rõ. Vì thế cho nên thân màu vàng ròng của Đức Phật là thù thắng nhất, ánh lên làm mờ nhạt ánh sáng của tất cả các loại vàng ở thế gian.

15. Tướng ánh sáng thường xuyên tỏa ra một Tâm (thường quang nhất tâm tướng), đó là xung quanh toàn thân của Đức Phật thường xuyên có ánh sáng, mỗi phía đều một Tâm, ngày đêm luôn luôn soi chiếu.

16. Tướng làn da mịn màng trơn bóng (bì phu tế hoạt tướng), đó là làn da của Đức Phật mịn màng trơn bóng, bụi-nước không dính được, như Phệ lưu ly và cánh hoa sen, giả sử Đức Phật đưa chân giẫm vào núi bụi, làn gió Phệ-lam-bà từ trong đó cuốn bụi tung lên, muốn làm cho thân của Đức Phật và dưới chân của Đức Phật có một hạt bụi dính vào, thì điều này không hề có.

17. Tướng bảy nơi tròn đầy (thất xứ sung mãn tướng), đó là bảy nơi của Đức Phật tròn đầy, ở thân thể khác thì những nơi này là ít thêm; hai tay-hai chân-hai vai và đỉnh đầu, đó là bảy nơi.

18. Tướng thân hình cao lớn và thẳng (thân quảng hồng trực tướng), đó là thân hình của Đức Phật cao lớn và thẳng, vô cùng đoan nghiêm mẫu mực, mà không nghiêng-không còng, cũng không lệch về một bên.

19. Tướng thân phần trên như Sư tử (sư tử thượng thân tướng), đó là phần ngực của Đức Phật vuông rộng uy nghiêm, như nửa thân phần

trên của Sư tử chúa.

20. Tướng bả vai tròn đầy (kiên bác viên mãn tướng), đó là bả vai của Đức Phật tròn đầy, không phải là các Lực sĩ trẻ trung khỏe mạnh mà có thể sánh bằng.

21. Tướng đứng thẳng duỗi tay xoa đến đầu gối (lập thủ ma tất tướng), đó là Đức Phật đứng thẳng duỗi tay xoa đến đầu gối của mình.

22. Tướng cầm tròn như Sư tử (sư tử hàm luân tướng), đó là cầm của Đức Phật tròn và rộng, đẹp như Sư tử chúa.

23. Tướng đầy đủ bốn mươi chiếc răng (cụ tứ thập xỉ tướng).

24. Tướng răng đều đặn và dày (xỉ tề bình mật tướng).

25. Tướng răng tươi sáng có ánh sáng tỏa ra (nha xỉ tiên bạch hữu quang minh tướng), đó là Đức Phật có đủ bốn mươi chiếc răng, tất cả đều đặn như nhau, ở giữa không có kẽ hở dù chỉ bằng mảy lông, màu sắc của răng tươi sáng trắng ngần, ánh lên sáng ngời như núi Tuyết chúa.

Hỏi: Người khác chỉ có ba mươi hai chiếc răng, mà nói trong thân ấy có một trăm lẻ ba đốt xương; Đức Phật có đủ bốn mươi chiếc răng, vì sao cũng nói trong thân Đức Phật có một trăm lẻ ba đốt xương, mà không tăng thêm?

Đáp: Xương phần đầu của loài người do chín phần hợp thành, xương phần đầu của Đức Thế Tôn chỉ có một đoạn, vì vậy cùng có một trăm lẻ ba đốt xương.

26. Tướng đạt được Vị giác cao nhất (đắc tối thượng vị tướng), đó là bởi vì phần lưỡi của Đức Phật thanh tịnh, cho nên khiến những đồ ăn thức uống chuyển thành mùi vị tuyệt vời nhất.

Có người nói: Trên phần lưỡi của Đức Phật có chủng tử của tất cả Vị giác thù thắng tuyệt vời vừa ý ở thế gian, nếu lúc các vật đắng cay chua mặn... đưa đến phần lưỡi, thì những vật xen tạp này đều chuyển thành mùi vị tuyệt vời nhất.

Có người nói: Phần lưỡi của Như Lai có thế lực như vậy, nếu các loại đồ ăn thức uống đưa đến phần lưỡi, ở trong đó loại nào thuộc về tánh tuyệt vời vừa ý thì liền sinh ra Thiệt thức, loại nào thuộc về tánh thô kệch thì không sinh ra Thiệt thức.

Có người nói: Trong yết hầu của Đức Phật có hai tuyến sữa, nếu lúc ăn uống thì sữa ấy tiết ra, pha lẫn vào các loại đồ ăn thức uống, làm cho đều thành mùi vị tuyệt vời nhất.

Nhưng ở trong này, bởi vì Thiệt căn thanh tịnh, làm cho mùi vị chuyển thành thù thắng, lý này thích hợp như vậy.

27. Tướng lưỡi rộng dài (quảng trường thiết tướng), đó là tướng lưỡi của Đức Phật mỏng mềm rộng dài, lúc đưa ra thì che kín mặt đến phần tai và chân tóc, nếu trở vào lại trong miệng thì ở trong miệng không có gì chướng ngại.

28. Tướng mắt xanh biếc (mục cam thanh tướng), đó là đôi mắt của Đức Phật dài và rộng, màu mắt xanh biếc trong sáng, như cánh hoa sen xanh Tô-xà-đa.

29. Tướng lông mi như Ngưu vương (ngưu vương tiệp tướng), đó là lông mi của Đức Phật phân bố khéo léo tuyệt vời giống như Ngưu vương.

30. Tướng trên đỉnh đầu có nhục kế (ô-sắt-nị-sa tướng), đó là búi tóc trên đỉnh đầu của Đức Phật do xương và thịt hợp thành, lượng bằng nắm tay úp xuống, đen tuyền tròn trịa rất tuyệt vời.

31. Tướng lông trắng giữa chạng mày (mi gian bạch hào tướng), đó là lông trắng giữa chạng mày của Đức Phật dài khoảng nửa Tâm, uyển chuyển xoay về phía phải, tỏa ánh sáng trong suốt.

32. Tướng có được âm thanh cõi Phạm (đắc Phạm âm thanh tướng), đó là ở trong yết hầu của Đức Phật có đại chủng tuyệt diệu, có thể phát ra Phạm âm hòa nhã vừa ý, như chim Yết-la-tần-ca, và phát ra tiếng sấm rền chấn động rất xa, như tiếng trống của Đế Thích. Âm thanh như vậy có đủ tám công đức:

1. Vang vọng rất xa.
2. Hòa nhã.
3. Rõ ràng.
4. Êm tai.
5. Đi vào tâm.
6. Sinh ra niềm vui.
7. Dễ hiểu.
8. Không hề chán.

Hỏi: Tướng là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về ngọn cờ là nghĩa của tướng, nghĩa về thù thắng là nghĩa của tướng, nghĩa về điềm lành là nghĩa của tướng.

Hỏi: Vì sao tướng Đại trượng phu chỉ có ba mươi hai chứ không tăng-không giảm?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: “Nếu tăng hay là giảm thì cũng đều sinh tâm nghi ngờ, chỉ có ba mươi hai cũng không trái với pháp tướng.”

Có người nói: Bởi vì ba mươi hai là số tốt lành mà thế gian cùng chấp nhận, cho nên không có tăng-giảm.

Có người nói: Nếu ba mươi hai tướng trang nghiêm thân của Đức Phật thì đối với thế gian là thù thắng nhất không có gì sánh bằng, nếu phải giảm đi thì sẽ thiếu hụt, nếu lại tăng thêm thì cũng tạp loạn, đều không phải là thù thắng, cho nên chỉ có bấy nhiêu. Như Đức Phật thuyết pháp không có thể tăng-giảm, tướng của Đức Phật cũng như vậy, cho nên không có giảm gì có thể tăng, không có tăng gì có thể giảm.

Hỏi: Tám mươi vẻ đẹp(tùy hảo) là ở nơi nào?

Đáp: Ở trong các tướng, tùy theo các tướng chuyển đổi để trang nghiêm thân của Đức Phật khiến cho tốt đẹp tuyệt diệu nhất.

Hỏi: Tướng và vẻ đẹp không làm chướng ngại lẫn nhau chăng?

Đáp: Không phải như vậy, tướng và vẻ đẹp lại làm biểu lộ rõ lẫn nhau. Như hoa trong rừng làm cho các cây biểu lộ rõ, thân Đức Phật trang nghiêm bằng tướng tốt và vẻ đẹp cũng như vậy. Lại như núi vàng tô điểm nhiều vật báu xen lẫn nhau, thân Đức Phật uy nghiêm sáng ngời tuyệt vời cũng như vậy. Bởi vì thân Như Lai vô cùng thanh tịnh sáng ngời, cho nên các vật tốt lành đều hiện rõ trong đó, như gương Chí-na đã mài hết sức trong suốt, tùy theo hình ảnh cảnh tượng của vật xa-gần đều hiện rõ, thân Đức Phật cũng như vậy. Vì thế cho nên tất cả các ma-ngoại đạo ôm ấp tâm niệm xấu ác, lúc đến nơi Đức Phật thì tất cả đều chiêm ngưỡng, nhìn không thỏa mãn đi vòng theo phía phải mà lui ra.

Hỏi: Bồ-tát đối với thân vì có Ái-Mạn mà trang nghiêm chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Bồ-tát vì muốn làm cho tâm lý kiêu mạn dựa vào sắc tướng của thế gian phải hàng phục, người không tiếp nhận hóa độ khiến cho tiếp nhận hóa độ, cho nên dùng các tướng tốt và vẻ đẹp mà trang nghiêm thân mình.

Lại nữa, bởi vì hiển bày pháp vốn có của Đức Phật đều là thù thắng, đó là sắc tướng-sức lực, giòng họ-quyến thuộc, danh dự-tài sản, giàu có-tự tại, trí tuệ-nhận thức-công đức thấy đều thù thắng. Nếu không như vậy, thì pháp đã nói ra không có người nào tin nhận. Vì thế cho nên Bồ-tát trang nghiêm thân mình.

Lại nữa, bởi vì muốn làm khí cụ nương tựa cho quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nguyên cố thế nào? Bởi vì công đức thù thắng quyết định nương tựa vào thân thù thắng, nghĩa của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ở vị lai ấy, nói với Bồ-tát rằng: Ông muốn khiến cho tôi ở trong thân, thì trước hết phải làm cho thân ông thanh



tịnh thù thắng, dùng các tướng tốt và vẻ đẹp mà trang nghiêm thân mình, nếu không như vậy thì tôi cũng không thể nào sinh vào trong thân của ông. Ví như có người muốn cưới Công chúa của vua đón về nhà mình, Công chúa ấy bí mật sai sứ giả đến nói cho người kia biết rằng: Ông muốn để cho Ta đến nhà, thì trước hết cần phải vẩy nước quét dọn, trừ sạch mọi rác rưởi dơ bẩn, treo đèn kết lọng, đốt hương rải hoa, trang nghiêm đủ loại, thì Ta mới có thể đến, nếu không như vậy thì Ta cũng không thể nào đến nhà ông được. Vì thế cho nên Bồ-tát trang nghiêm thân mình.

Hỏi: Bồ-tát tạo tác tăng trưởng nghiệp dị thực của tướng rồi, trong thời gian ấy hoặc có lúc làm Chuyển Luân Vương, là chính nghiệp dị thực của tướng đã tu, cảm đến quả của tướng ấy, hay là nghiệp khác?

Đáp: Có người nói: Tức là nghiệp dị thực của tướng đã tu, bởi vì nghiệp này có công năng rộng lớn, giả sử đến nay luôn luôn làm Luân Vương, mà thế lực của nghiệp ấy cũng không hết.

Nói như vậy thì đó là bởi vì nghiệp khác. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Bồ-tát tu nghiệp dị thực của tướng đều vì thọ nhận quả thù thắng ở thân sau cuối chứ chưa thọ dụng ngay, nhưng dựa vào nghiệp ấy làm tăng thượng tạo ra nghiệp thiện khác cảm đến quả của tướng Luân Vương. Ví như vị Trưởng giả rất giàu có, nhiều những châu báu, trong đó có ngọc quý rất giá trị mà chưa đem ra sử dụng ngay, những vật có giá trị bình thường thì tùy lúc để trao đổi; điều ấy cũng như vậy.

Hỏi: Ba mươi hai tướng mà Bồ-tát đã đạt được cùng với tướng của Luân Vương có gì sai biệt?

Đáp: Tướng mà Bồ-tát đã đạt được, có bốn điều hơn hẳn:

1. Long trọng.
2. Rõ ràng.
3. Tròn đầy.
4. Nơi đạt được.

Lại nữa, có năm điều hơn hẳn:

1. Nơi đạt được.
2. Rất đoan nghiêm.
3. Đáng vẻ sâu sắc.
4. Tùy thuận với trí thù thắng.
5. Tùy thuận với lìa nhiễm.

Hỏi: Bồ-tát tạo tác tăng trưởng nghiệp dị thực của tướng rồi, lúc chưa đến thân sau cuối, đối với các hữu tình có tướng khác nhau có thể nhân biết hay không?

Đáp: Có, đó là sinh trong giòng họ tôn quý, hình dáng diện mạo đoan nghiêm, thân thể trượng phu đầy đủ, các căn trọn vẹn không thiếu, có thể nhớ lại đời trước, tin sâu sắc vào nhân quả, ưa thích học nhiều hiểu rộng, tôn trọng ngưỡng mộ Chánh pháp, trí tuệ nhận thức sắc bén, có biện tài rất thù thắng, chí tánh điều hòa mềm mỏng, âm thanh ngôn ngữ hòa nhã, việc làm đã được quyết định, hoàn toàn không có lui sụt, thấy người khác chịu đau khổ, lòng dạ không thể chịu nổi, cần phải tận tình cứu giúp, tất cả công đức đã tu, đều hồi hướng cho Bồ-đề, mang lại niềm vui cho hữu tình, làm nhiều điều lợi ích mà không mong cầu đền đáp. Như vậy gọi là tướng của Bồ-tát ấy.

Hỏi: Như trong kinh nói: “Mỗi một tướng của Đức Phật có trăm phước trang nghiêm.” Thế nào gọi là trăm phước?

Đáp: Trong này, trăm Tư gọi là trăm phước. Thế nào gọi là trăm Tư? Đó là như lúc Bồ-tát tạo tác tăng trưởng về nghiệp của tướng khéo an trú dưới lòng bàn chân (tướng thứ nhất), trước hết khởi lên năm mươi Tư tu sửa thân khí làm cho thanh tịnh điều hòa mềm mỏng, tiếp đến khởi lên một Tư đích thực dẫn dắt tướng ấy, cuối cùng lại khởi lên năm mươi Tư khiến cho tướng ấy được tròn đầy. Ví như nông phu trước hết sửa sang bờ ruộng, tiếp đến gieo hạt giống xuống, sau mới dùng phân-nước mà chăm bón-tưới thấm; điều ấy cũng như vậy. Như nghiệp của tướng khéo an trú dưới lòng bàn chân, có trăm Tư trang nghiêm như vậy, cho đến nghiệp của tướng trên đỉnh đầu có nhục kế (tướng thứ ba mươi), cũng lại như vậy. Vì vậy cho nên nói: Mỗi một tướng của Đức Phật có trăm phước trang nghiêm.

Hỏi: Thế nào là năm mươi Tư?

Đáp: Dựa vào mười nghiệp đạo đều có năm Tư. Đó là dựa vào nghiệp đạo lìa bỏ giết hại có năm Tư:

1. Tư về lìa bỏ giết hại.
2. Tư về khuyến khích dẫn dắt.
3. Tư về khen ngợi tốt lành.
4. Tư về tùy thuận vui vẻ.
5. Tư về hồi hướng.

Nghĩa là hồi hướng công đức đã tu quy về Bồ-đề; cho đến Chánh kiến cũng như vậy, đó gọi là năm mươi Tư.

Có người nói: Dựa vào mười nghiệp đạo đều khởi lên năm phẩm Tư về thiện là Hạ-Trung-Thượng-Thượng Thắng và Thượng Cực, như tu xen lẫn Tĩnh lự.

Có người nói: Dựa vào mười nghiệp đạo đều khởi lên năm Tư:

1. Gia hạnh thanh tịnh.
2. Căn bản thanh tịnh.
3. Dấy khởi về sau thanh tịnh.
4. Không phải là do Tâm mà hại.
5. Nghĩ về thâm nhiếp tiếp nhận.

Có người nói: Duyên với một tướng của Đức Phật khởi lên năm mươi sát-na, chưa từng luyện tập về Tư nối tiếp nhau mà chuyển.

Hỏi: Như vậy trăm phước thì lượng của mỗi một phước là thế nào?

Đáp: Có người nói: Nếu nghiệp có thể cảm đến địa vị Chuyển Luân Vương, thì đối với bốn châu lớn tự tại mà chuyển, là lượng của một phước.

Có người nói: Nếu nghiệp có thể cảm đến địa vị Thiên Đế Thích, thì đối với hai chúng trời tự tại mà chuyển, là lượng của một phước.

Có người nói: Nếu nghiệp có thể cảm đến địa vị Thiên vương cõi trời Tha Hóa Tự Tại, thì đối với tất cả chúng trời cõi Dục tự tại mà chuyển, là lượng của một phước.

Có người nói: Nếu nghiệp có thể cảm đến địa vị Thiên vương cõi trời Đại Phạm, thì đối với Tinh lự thứ nhất và chúng trời cõi Dục tự tại mà chuyển, là lượng của một phước.

Có người nói: Phước của Thiên vương cõi trời Đại Phạm, vị đứng đầu thế giới Sa-ha khuyên thỉnh Như Lai chuyển pháp luân, là lượng của một phước.

Hỏi: Lúc vị ấy thỉnh Đức Phật là tâm vô phú vô ký hệ thuộc cõi Dục, vì sao gọi là phước?

Đáp: Có người nói: Vị ấy ở cõi Phạm Thế, lúc sắp đến thỉnh cầu thì trước hết khởi lên tâm thiện như vậy: Mình sẽ làm lợi ích to lớn cho các hữu tình, thỉnh cầu Đức Phật chuyển Pháp luân. Lúc bấy giờ thì gọi là đạt được phước của cõi Phạm ấy.

Điều này không hợp lý. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không phải là lúc chưa làm mà đã thành tựu. Nói như vậy thì vị ấy thỉnh cầu Đức Phật rồi trở về đến cung cõi Phạm, sau đó lúc Đức Phật chuyển Pháp luân thì Địa thần xướng lên trước, như vậy âm thanh lần lượt chuyển tiếp lên đến cung cõi Phạm, Phạm Vương nghe rồi hoan hỷ tự mừng cho mình, phát tâm thuần tịnh mà sinh niềm tùy hỷ, lúc bấy giờ mới gọi là thành tựu phước này.

Có người nói: Lúc thế giới thành lập, tất cả hữu tình do lực tăng thượng của nghiệp, có thể cảm đến ba ngàn Đại thiên thế giới, là lượng

của một phước.

Có người nói: Trừ ra Bồ-tát tiếp cận Phật địa, còn lại tất cả hữu tình, vốn có nghiệp có thể cảm đến quả giàu có vui sướng, là lượng của một phước.

Có người nói: Trong này, lượng của mỗi một phước nên dùng thí dụ để hiển bày, giả sử tất cả hữu tình đều sinh ra mù lòa, có một hữu tình dùng nhiều phương tiện khiến cho cùng có được mắt sáng, phước của hữu tình ấy là lượng của một phước.

Lại nữa, giả sử tất cả hữu tình đều uống phải thuốc độc, mê loạn sắp chết, có một hữu tình làm cho chất độc đều trừ hết, tâm được tỉnh táo, phước của hữu tình ấy là lượng của một phước.

Lại nữa, giả sử tất cả hữu tình đều bị trói chặc, sắp bị mất mạng, có một hữu tình làm cho tất cả được giải thoát, cùng lúc cứu được mạng sống, phước của hữu tình ấy là lượng của một phước.

Lại nữa, giả sử tất cả hữu tình phá giới-phá kiến, có một hữu tình có thể làm cho cùng lúc đầy đủ giới-kiến, phước của hữu tình ấy là lượng của một phước.

**Lời bình:** Như vậy đã nói đều là ý thích thuận tịnh, phương tiện ca ngợi lượng phước của Bồ-tát, nhưng tất cả đều chưa đạt được ý nghĩa thật sự.

Nghĩa như thật thì mỗi một lượng phước Bồ-tát đã khởi lên là vô lượng vô biên, bởi vì Bồ-tát trải qua ba Vô số kiếp tích tập tròn đầy các Ba-la-mật-đa rồi, cho nên dẫn đến Tư nguyện vô cùng to lớn, chỉ riêng Đức Phật mới có thể biết, không phải là người khác mà suy lường được.

Như vậy đã nói về lượng phước to lớn, có đầy đủ trăm phước trang nghiêm cho một tướng, lần lượt chuyển tiếp cho đến ba mươi hai tướng, đều có đủ trăm phước. Đức Phật dùng ba mươi hai tướng có trăm phước trang nghiêm như vậy, và tám mươi vẻ đẹp tùy thuộc để trang nghiêm thân ấy, cho nên tôn quý nhất-thù thắng nhất ở trên cõi trời-giữa loài người.

Hỏi: Nghiệp dị thực của tướng này tu tập tròn đầy trải qua thời gian bao lâu?

Đáp: Phần nhiều trải qua một trăm Đại kiếp, chỉ trừ ra Bồ-tát Thích-ca, bởi vì Bồ-tát Thích-ca vô cùng tinh tiến cho nên vượt lên trên chín Đại kiếp, chỉ trải qua chín mươi một kiếp tu tập tròn đầy, liền đạt được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Sự việc ấy như thế nào? Như trong kinh nói: “Quá khứ có Đức

Phật danh hiệu là ĐỂ-sa, hoặc gọi là BỒ-sa. Đức Phật ấy có hai đệ tử BỒ-tát chịu khó tu Phạm hạnh, một người tên gọi Thích-ca Mâu-ni, một người tên gọi Mai-đát-lệ-dược. Lúc bấy giờ Đức Phật ấy quán xét hai đệ tử, căn của người nào chín muồi trước, liền biết như thật là Từ Thị chín muồi trước, Năng Thúc chín muồi sau. Lại quán xét sự hóa độ hữu tình của hai người, căn của người nào chín muồi trước, vẫn biết như thật là sự hóa độ của Thích-ca sẽ chín muồi trước. Biết rồi liền nghĩ: Nay Ta làm thế nào khiến cho cơ cảm ấy hội ngộ với nhau? Nhưng làm cho một người nhanh chóng chín muồi thì dễ, chứ không phải là làm cho nhiều người. Dấy lên ý nghĩ này rồi, liền bảo với Thích-ca: Ta muốn đi vào núi, ông có thể đi theo. Lúc bấy giờ Đức Phật ấy lấy tọa cụ (ni sư đàn), theo con đường đi đến trước, đã đến trên núi, đi vào khám thờ bằng Phệ lưu ly, trải tọa cụ ra, ngồi kiết già mà nhập Định Hỏa giới, trải qua bảy ngày đêm cảm thọ niềm hỷ lạc vi diệu, uy quang rực rỡ. Thích-ca trong chốc lát cũng đến trên núi, đi khắp nơi tìm Đức Phật, như bê con tìm kiếm mẹ, lần lượt chuyển tiếp gặp lúc đến trước khám thờ ấy, bỗng nhiên thấy đức Phật uy nghi trang nghiêm, ánh sáng chói lòa, dốc lòng thành khẩn, phát tâm hoan hỷ, ca ngợi mãi không thôi. Đối với hiện hành không gián đoạn, quên đặt một chân xuống, chiêm ngưỡng dung nhan tôn quý, mắt không rời trong giây lát, trải qua bảy ngày đêm, dùng một bài kệ ca ngợi Đức Phật ấy rằng:

*Trời đất cõi này là ngôi nhà Đa Văn,  
Thệ Cung ở cõi trời mười phương không có,  
Bậc trưởng phu Ngưu vương là Đại Sa-môn,  
Tìm khắp núi rừng mặt đất không gì bằng.*

Như vậy ca ngợi rồi liền vượt qua chín kiếp, đạt được Vô thượng Chánh giác trước Từ Thị.”

Hỏi: BỒ-tát tiếp cận Phật địa nhất định đối với Danh-Cú-Văn thân, đạt được sự khéo léo tuyệt vời tự tại chưa từng đạt được, nên dùng bài tụng khác-phẩm loại khác để ca ngợi Đức Phật, vì sao trải qua bảy ngày đêm chỉ dùng một bài tụng mà ca ngợi Đức Phật?

Đáp: BỒ-tát lúc bấy giờ bởi vì Tư nguyện thù thắng cho nên không lặp lại văn tụng, nếu thay đổi văn tụng thì Tư nguyện không thuần phác.

Lại nữa, BỒ-tát lúc bấy giờ bởi vì sợ rằng tán loạn, như văn tụng sai biệt thì tâm cũng khác đi, làm sao mà có thể nhất tâm chuyên chú?

Lại nữa, BỒ-tát biểu hiện tâm mình không có chán nản mệt mỏi, cho nên có thể đối với một bài tụng thường xuyên phát khởi Tư nguyện

thù thắng mới nhất.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát Từ Thị đối với căn của mình thì chín muồi trước, mà sự hóa độ lại chín muồi sau, Bồ-tát Thích-ca thì cùng với điều này trái ngược nhau?

Đáp: Bồ-tát Từ Thị phần nhiều lợi ích cho mình mà ít lợi ích cho người khác, Bồ-tát Thích-ca thì phần nhiều lợi ích cho người khác mà ít lợi ích cho mình, vì thế cho nên đều mang lại sự hóa độ không như nhau.

Hỏi: Như trong kinh nói: “Bồ-tát trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp (a-tăng-xí-da), tu hành bốn Ba-la-mật-đa mới được tròn đầy.” Kiếp này là như thế nào?

Đáp: Có người nói: Là Trung kiếp. Có người nói: Là kiếp Thành. Có người nói: Là kiếp Hoại.

Nói như vậy thì đây là Đại kiếp, tích tụ Đại kiếp này đến một A-tăng-kỳ, như vậy đến ba A-tăng-kỳ mới tu tập tròn đầy.

Hỏi: A-tăng-kỳ kiếp này thì hạn lượng làm sao có thể biết được?

Đáp: Có người nói: Dùng Đại kiếp làm một, tích tụ số một này đến trăm ngàn thì gọi là Lạc-xoa, đến trăm-trăm ngàn thì gọi là Câu-chi, trăm ngàn Câu-chi thì gọi là Na-dữu-đa, trăm ngàn Na-dữu-đa thì gọi là Tần-bà, trăm ngàn Tần-bà thì gọi là Kiến-tha. Từ đây về sau không phải là nơi đến của trí tính đếm. Đến phần vị không thể đến được này thì gọi là hạn lượng của một A-tăng-kỳ kiếp, hạn lượng của A-tăng-kỳ kiếp thứ hai-thứ ba cũng như vậy.

Có người nói: Dùng Đại kiếp làm một, tích tụ số một này đến trăm ngàn thì gọi là Lạc-xoa, đến trăm-trăm ngàn thì gọi là Câu-chi, trăm ngàn Câu-chi thì gọi là Câu-chi Câu-chi, trăm ngàn Câu-chi Câu-chi thì gọi là A-triết-triết Câu-chi, trăm ngàn A-triết-triết Câu-chi thì gọi là A-tra-tra Câu-chi, trăm ngàn A-tra-tra Câu-chi thì gọi là A-dữu-đa, trăm ngàn A-dữu-đa thì gọi là A-dữu-đa phần, trăm ngàn A-dữu-đa phần thì gọi là Na-dữu-đa, trăm ngàn Na-dữu-đa thì gọi là Na-dữu-đa phần, trăm ngàn Na-dữu-đa phần thì gọi là Câu-vật-đa, trăm ngàn Câu-vật-đa thì gọi là Câu-vật-đa phần, trăm ngàn Câu-vật-đa phần thì gọi là Bát-đặc-ma, trăm ngàn Bát-đặc-ma thì gọi là Bát-đặc-ma phần, trăm ngàn Bát-đặc-ma phần thì gọi là Ca-mạt-la, trăm ngàn Ca-mạt-la thì gọi là Ca-mạt-la phần, trăm ngàn Ca-mạt-la phần thì gọi là Nại-trĩ-na, trăm ngàn Nại-trĩ-na thì gọi là Nại-trĩ-na phần, trăm ngàn Nại-trĩ-na phần thì gọi là Đổ-chi, trăm ngàn Đổ-chi thì gọi là Đổ-chi phần, trăm ngàn Đổ-chi phần thì gọi là A-ba-ba, trăm ngàn A-ba-ba thì gọi là A-ba-ba phần,

trăm ngàn A-ba-ba phần thì gọi là Tra-tra, trăm ngàn Tra-tra thì gọi là Tra-tra phần, trăm ngàn Tra-tra phần thì gọi là Ô-già, trăm ngàn Ô-già thì gọi là Ô-già phần, trăm ngàn Ô-già phần thì gọi là Bạt-la, trăm ngàn Bạt-la thì gọi là Bạt-la phần, trăm ngàn Bạt-la phần thì gọi là Bà-yết-la. Từ đây về sau không phải là nơi đến của trí tính đếm. Đến phần vị không thể đến được này thì gọi là hạn lượng của một A-tăng-kỳ kiếp, hạn lượng của A-tăng-kỳ kiếp thứ hai-thứ ba cũng như vậy.

Có người nói: Không phải là nơi đến của trí tính đếm, cho nên gọi là A-tăng-kỳ kiếp. Nhưng có kinh nói đến sáu mươi số, trong đó có một số gọi là A-tăng-kỳ, tích tụ số Đại kiếp đến số này thì gọi là một A-tăng-kỳ kiếp. Như kinh ấy nói: “Có một Vô dư số bắt đầu là một, mười một là mười, mười mười là trăm, mười trăm là ngàn, mười ngàn là Bát-la-tiết-đà, mười Bát-la-tiết-đà là Lạc-xoa, mười Lạc-xoa là Át-để Lạc-xoa, mười Át-để Lạc-xoa là Câu-chi, mười Câu-chi là Mạt-đà, mười Mạt-đà là A-dữu-đa, mười A-dữu-đa là Đại A-dữu-đa, mười Đại A-dữu-đa là Na-dữu-đa, mười Na-dữu-đa là Đại Na-dữu-đa, mười Đại Na-dữu-đa là Bát-la Na-dữu-đa, mười Bát-la Na-dữu-đa là Đại Bát-la Na-dữu-đa, mười Đại Bát-la Na-dữu-đa là Căng-yết-la, mười Căng-yết-la là Đại Căng-yết-la, mười Đại Căng-yết-la là Tần-bạt-la, mười Tần-bạt-la là Đại Tần-bạt-la, mười Đại Tần-bạt-la là A-sô-bà, mười A-sô-bà là Đại A-sô-bà, mười Đại A-sô-bà là Tỳ-bà-ha, mười Tỳ-bà-ha là Đại Tỳ-bà-ha, mười Đại Tỳ-bà-ha là Ốt-tăng-già, mười Ốt-tăng-già là Đại Ốt-tăng-già, mười Đại Ốt-tăng-già là Bà-hát-na, mười Bà-hát-na là Đại Bà-hát-na, mười Đại Bà-hát-na là Địa-trí-bà, mười Địa-trí-bà là Đại Địa-trí-bà, mười Đại Địa-trí-bà là Hê-đô, mười Hê-đô là Đại Hê-đô, mười Đại Hê-đô là Yết-lạp-bà, mười Yết-lạp-bà là Đại Yết-lạp-bà, mười Đại Yết-lạp-bà là Ấn-đạt-la, mười Ấn-đạt-la là Đại Ấn-đạt-la, mười Đại Ấn-đạt-la là Tam-ma-bát-đam, mười Tam-ma-bát-đam là Đại Tam-ma-bát-đam, mười Đại Tam-ma-bát-đam là Yết-để, mười Yết-để là Đại Yết-để, mười Đại Yết-để là Khô-phiệt-la-xà, mười Khô-phiệt-la-xà là Đại Khô-phiệt-la-xà, mười Đại Khô-phiệt-la-xà là Lão-đạt-la, mười Lão-đạt-la là Đại Lão-đạt-la, mười Đại Lão-đạt-la là Bạt-lam, mười Bạt-lam là Đại Bạt-lam, mười Đại Bạt-lam là San-nhược, mười San-nhược là Đại San-nhược, mười Đại San-nhược là Tỳ-bộ-đa, mười Tỳ-bộ-đa là Đại Tỳ-bộ-đa, mười Đại Tỳ-bộ-đa là Bạt-la-sàm, mười Bạt-la-sàm là Đại Bạt-la-sàm, mười Đại Bạt-la-sàm là A-tăng-kỳ.” Từ đây về sau còn có tám số cùng với trước là sáu mươi số, tích tụ thành một Đại kiếp, đến số A-tăng-kỳ thứ năm mươi hai này, thì gọi là một

A-tăng-kỳ kiếp, A-tăng-kỳ kiếp thứ hai-thứ ba cũng lại như vậy.

Có người nói: Tôn giả Xá-lợi-tử dựa vào Tính lực thứ tư khởi lên Túc trú tùy niệm trí thông, duyên với đời quá khứ đến kiếp đã đạt tới là hạn lượng của một A-tăng-kỳ kiếp, hạn lượng của A-tăng-kỳ kiếp thứ hai-thứ ba cũng như vậy.

Người ấy không nên đưa ra cách nói này, bởi vì hạn lượng của A-tăng-kỳ kiếp không phải là cảnh thuộc trí Túc trú của Xá-lợi-tử... Trong này, hoặc là nói hạn lượng của ba A-tăng-kỳ kiếp, đều là cảnh thuộc trí Túc trú của Xá-lợi-tử, không nên nói đến kiếp của trí ấy đã đạt tới là hạn lượng của một A-tăng-kỳ kiếp.

Có người nói: Dựa vào một công hạnh bố thí để phân biệt về hạn lượng của ba A-tăng-kỳ kiếp, nghĩa là nếu lúc Bồ-tát tuy thực hành bố thí mà chưa có thể rời bỏ tất cả các vật-bố thí tất cả ruộng đất, đến đây gọi là A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất; nếu lúc Bồ-tát có thể thực hành bố thí, cũng có thể rời bỏ tất cả các vật mà chưa có thể bố thí tất cả ruộng đất, hoặc là có thể bố thí tất cả ruộng đất mà chưa có thể rời bỏ tất cả các vật, đến đây gọi là A-tăng-kỳ kiếp thứ hai; nếu lúc Bồ-tát có thể thực hành bố thí, cũng có thể rời bỏ tất cả các vật và có thể bố thí tất cả ruộng đất, đến đây gọi là A-tăng-kỳ kiếp thứ ba.

Có người nói: Dựa vào sự việc đã gặp Đức Phật để phân biệt về hạn lượng của ba A-tăng-kỳ kiếp, đó là ở quá khứ lâu xa lúc con người sống thọ một trăm tuổi, có Đức Phật danh hiệu Thích-ca Mâu-ni xuất hiện ở thế gian, sinh trong dòng họ Thích-ca thuộc đẳng cấp Sát-đế-lợi, mẹ tên là Ma ha Ma-da, cha tên là Tịnh Phạn, con trai tên là La-hầu-la, kinh thành tên gọi Kiếp-tỷ-la-phiệt-suất-đổ, phần nhiều là các dòng họ Thích, đệ tử thị giả tên là A-nan-đà, hai đệ tử bậc nhất tên là Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên. Lúc bấy giờ thế gian tăng mạnh về năm Trước, bị sự bức bách của sinh-già-chết, ngu si mù lòa không có người dẫn dắt. Đức Phật Thế Tôn ấy dùng nguyện lực Từ Bi xuất hiện trong hoàn cảnh ấy, tinh tiến tăng thượng giáo hóa dẫn dắt các hữu tình chưa hề tạm thời dừng nghỉ. Bởi vì như vậy, cho nên bị gió làm cho khốn đốn, vai và lưng có bệnh. Lúc ấy có người thợ gốm tên gọi Quảng Xí, Đức Phật biết thời cơ đã đến, liền bảo thị giả A-nan-đà rằng: Ông có thể đi đến nhà người thợ gốm Quảng Xí xin dầu mè và nước ấm, để xoa rửa cho Ta. Thị giả cung kính vâng dạ đi đến nhà người thợ gốm, đứng trước Quảng Xí dùng lời thân ái thăm hỏi rồi, phương tiện ca ngợi Đức Phật có đủ loại công đức, Giới-Định-Tuệ thù thắng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy thuộc, ánh sáng tròn rực rỡ, trí kiến vô ngại, biện tài không vướng



mắc. Lại nói cho Quảng Xí biết rằng: Như vậy, Đức Thế Tôn nếu không xuất gia, thì sẽ làm vị Luân Vương cai quản bốn châu thế giới, tôi và các ông cùng tất cả thế gian đều làm tôi tớ, nhưng nay rời bỏ ngôi vua như vậy, xuất gia tu hành khổ hạnh, đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, đầy đủ tất cả trí kiến, đoạn dứt tất cả lưới nghi, thực hiện tất cả quyết định, có thể bàn luận tận cùng nguồn gốc tất cả mọi vấn đề, nhìn các hữu tình giống như con một, nay ở không xa nơi này, nhưng vì cứu giúp nỗi khổ của các ông cho nên luôn luôn vượt qua đường xa, bị gió làm cho khốn đốn, vai và lưng đau nhức đã lâu, cần đến dầu mè và nước ấm, cho nên tự mình đến đây, có thể được thì giúp cho chăng? Lúc bấy giờ Quảng Xí nghe rồi vui mừng ca ngợi là chưa từng có, làm thế nào ở chốn nhân gian mà có công đức này? Tức thì trả lời Tôn giả rằng: Nhân giả nay tạm thời trở về, tôi sẽ như lời dạy tự mình đi đến nơi Đức Phật. Thị giả đi chưa lâu, Quảng Xí lập tức sắp xếp dầu mè sống và nước thơm nóng ấm, mang đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật từ xa trông thấy, vì làm cho người ấy gieo trồng căn thiện, cho nên cởi bỏ những áo khác, chỉ giữ lại áo lót thân, ngồi chờ đợi bên bàn. Quảng Xí đến rồi phát tâm thuần tịnh, lấy dầu đã mang đến cung kính khéo léo xoa vào vai và lưng Đức Phật, dùng đủ cách để xoa bóp, lại dùng nước thơm nóng ấm rưới lên để rửa sạch. Lúc ấy trừ hết bệnh gió, Đức Phật cảm thấy thư thái, dùng âm thanh hiền từ dịu dàng an ủi vỗ về Quảng Xí. Người ấy nghe trong lòng hoan hỷ liền phát nguyện rằng: Nguyện cho con ở đời vị lai sẽ được làm Phật, danh hiệu-quyển thuộc-thời gian-xứ sở-đệ tử, giống như Đức Thế Tôn hôm nay không có gì khác!

Nên biết rằng người thợ gốm ấy chính là Bồ-tát Thích-ca, nhờ vào nguyện xưa cho nên bây giờ danh hiệu-quyển thuộc... như xưa không khác. Nhưng từ lúc ở nơi Đức Phật ấy phát nguyện này về sau, cho đến sự việc gặp được Đức Như Lai Bảo Kế, thì gọi là hết A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất. Từ đây về sau cho đến sự việc gặp được Đức Như Lai Nhiên Đăng, thì gọi là hết A-tăng-kỳ kiếp thứ hai. Tiếp tục từ đây về sau cho đến sự việc gặp được Đức Như Lai Thắng Quán, thì gọi là hết A-tăng-kỳ kiếp thứ ba. Từ đây về sau tiếp tục trải qua chín mươi một kiếp tu nghiệp của tướng vi diệu, lúc đến sự việc gặp được Đức Phật Ca-diếp-ba thì mới được tròn đầy.

Có người nói: Có ba loại A-tăng-kỳ kiếp, một là A-tăng-kỳ kiếp, hai là A-tăng-kỳ sinh, ba là A-tăng-kỳ diệu hạnh. A-tăng-kỳ kiếp, đó là dùng Đại kiếp làm một tích tụ đến Lạc-xoa Câu-chi, lần lượt chuyển tiếp cho đến vượt qua số Bà-yết-la. A-tăng-kỳ sinh, đó là mỗi một kiếp

---

trải qua vô số đời sống. A-tăng-kỳ diệu hạnh, đó là mỗi một kiếp tu tập vô số diệu hạnh. Nhờ vào ba loại A-tăng-kỳ này, chứng được quả vị Vô thượng Chánh giác.

Điều này không hợp lý. Nghĩa như thật thì trong này chỉ nói là trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, tu hành viên mãn.

